



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XVI - KHOA PĀLI
KỲ THI: CUỐI KỲ - HỌC KỲ 7; MÔN : KINH TĂNG CHI
MÃ MÔN: PALI302; MÃ LỚP: 516.PA.PALI302.1.1

GIẢNG VIÊN : NS.TS. THÍCH NỮ NHƯ TỪ, NS.TS. THÍCH NỮ ĐẠT LIÊN

THỜI GIAN THI: 09H00 - 10H30; THỨ BA NGÀY 16/01/2024 ; PHÒNG 102 - TÒA HỌC ĐƯỜNG B

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
1	2150000065	Vo Bách Khoa	T. Tâm Mẫn			
2	2150000096	Nguyễn Ngọc Nghĩa	T. Giác Chánh			
3	2150000160	La Văn Toàn	T. Thánh Tâm			
4	2150000182	Nguyễn Đình Thành	T. Nhuận Nghiêm			
5	2150000190	Lê Minh Thiện	T. Thiện Huệ			
6	2150000207	Dương Đình Trọng	T. Giác Minh Hưởng			
7	2150000224	Hoàng Thị Ái	TN. Thánh Thiệt			
8	2150000260	Phùng Thị Duyên	TN. An Liên			
9	2150000261	Nguyễn Thị Hương Giang	TN. Nhuận Sơn			
10	2150000268	Nguyễn Thị Thái Hà	TN. Chơn Tâm Thông			
11	2150000278	Lê Thị Hồng Hạnh	TN. Thường Chánh			
12	2150000294	Nguyễn Thị Bích Hoa	TN. Trung Thiện			
13	2150000300	Nguyễn Thị Hoàng	TN. Liên Khuê			
14	2150000303	Ngô Thị Hồng	TN. Thánh Tiên			
15	2150000319	Trần Thị Thu Huyền	TN. Lâm Huyền Diễm			
16	2150000340	Võ Thị Linh	TN. Chúc Châu			
17	2150000371	Trương Thị Bích My	TN. Tâm Hạnh			
18	2150000385	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TN. Vạn Minh			
19	2150000406	Vì Xuân Nương	TN. Tịnh Phước			
20	2150000407	Lê Thị Tổ Ny	TN. Diệu Hạnh			
21	2150000422	Nguyễn Thị Phụng	TN. Nguyên Nhã			
22	2150000430	Ngô Như Quỳnh	TN. Quang Hương			
23	2150000526	Lê Thị Út	TN. Liên Tâm			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
24	2150000528	Nguyễn Trần Phương Uyên	TN. Pháp Từ			
25	2150000541	Lê Thị Xuân	TN. Thiên Tánh			
26	2250000016	Mai Thanh Hào	T. Phước Hỷ			
27	2250000056	Nguyễn Văn Sỹ	T. Chúc Đạt			
28	2250000068	Võ Huỳnh Tấn Thịnh	T. Đức Hưng			
29	2250000216	Nguyễn Thị Thu Phương	TN. Quảng Pháp			

TỔNG BÀI THI:

GIÁM THỊ **GIÁM THỊ**
1 **2**
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký, họ tên)

GIẢNG VIÊN